HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2007/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 16 tháng 7 năm 2007*

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn kết quả thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2007; điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XIII - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2007;

Trên cơ sở xem xét báo cáo của UBND tỉnh; tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 29/6/2007 của UBND tỉnh về điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2007 tỉnh Lào Cai; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp,

HĐND tỉnh Lào Cai khóa XIII, Kỳ họp thứ 9,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kết quả thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2007; điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2007.

I. Về kết quả thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2007

Sáu tháng đầu năm 2007, mặc dù còn nhiều khó khăn thách thức; song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; sự chủ động, linh hoạt trong điều hành của các cấp, các ngành nên tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2007 tiếp tục ổn định và có bước phát triển mới, các chỉ tiêu chính đều đạt khá và tăng mạnh so với cùng kỳ: Tăng trưởng GDP đạt 14%, cơ cấu kinh tế dịch chuyển đúng hướng: Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp đạt 27,7% (giảm 2,4% so cùng kỳ), công nghiệp - xây dựng cơ bản đạt 30,5% (tăng 1,9% so cùng kỳ), dịch vụ đạt 41,8% (tăng 0,5% so cùng kỳ); giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng mạnh, đạt 5,8%; sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản duy trì được tốc độ tăng trưởng cao so cùng kỳ (27,9%); kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn phát triển mạnh, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đã vượt dự toán cả năm; hoạt động kinh doanh du lịch, hoạt động văn hoá thể thao phát triển tích cực, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2007 còn tồn tại hạn chế: Công nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tế; các hoạt động về văn hóa - xã hội tuy được tích cực triển khai và đạt một số kết quả nhất định song hiệu quả chưa cao, công tác cải cách hành chính đã có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ; thủ tục hành chính còn rườm rà. Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức

đến công tác cải cách hành chính, thiếu kiên quyết trong chỉ đạo và thực hiện dẫn đến hiệu quả chưa cao; một số vấn đề xã hội bức xúc như: Tai nạn giao thông, buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới, tệ nạn ma túy, HIV, trộm cắp... có chiều hướng gia tăng; một số cơ chế chính sách mới chậm được ban hành nên chưa thực sự khuyến khích hoạt động sản xuất và thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế.

HĐND tỉnh thống nhất đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2007 với những chỉ tiêu cơ bản theo báo cáo của UBND tỉnh đã trình tại kỳ họp thứ 9.

II. Điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2007

1. Điều chỉnh chỉ tiêu tổng hợp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2007

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Tăng thu 210.000 triệu đồng, nâng số thu từ 790.000 triệu đồng lên 1.000.000 triệu đồng .
- Tổng thu ngân sách địa phương: Tăng thu 642.589 triệu đồng, nâng tổng số thu NSĐP từ 2.028.000 triệu đồng lên 2.670.589 triệu đồng .
- Tổng chi ngân sách địa phương: Tăng chi 642.589 triệu đồng, nâng tổng số chi NSĐP từ 2.028.000 triệu đồng lên 2.670.589 triệu đồng .

Các chỉ tiêu khác: Giữ nguyên theo Nghị quyết số 26/2006/NQ-HĐND ngày 16/12/2006 của HĐND tỉnh.

(Chi tiết theo biểu số 01 kèm theo Nghị quyết này)

2. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2007

2.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Điều chỉnh tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 210.000 triệu đồng, gồm:

- Tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 190.000 triệu đồng
- Tăng thu để lại quản lý qua ngân sách 20.000 triệu đồng (đóng góp khai thác khoáng sản quặng đồng)

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn sau điều chỉnh là 1.000.000 triệu đồng, gồm:

- Thu nội địa 395.000 triệu đồng
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 530.000 triệu đồng
- Thu để lại quản lý qua ngân sách 75.000 triệu đồng.

2.2. Thu ngân sách địa phương:

Điều chỉnh tăng thu ngân sách địa phương 642.589 triệu đồng. Tổng thu NSĐP sau điều chỉnh là 2.670.589 triệu đồng, các nội dung điều chỉnh gồm:

- Tăng số bổ sung từ ngân sách Trung ương 174.162 triệu đồng
- Tăng thu vốn vay kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn 15.000 triệu đồng
- Tăng thu huy động từ Quĩ dự trữ tài chính 10.000 triệu đồng (bố trí vốn cho các công trình khắc phục hậu quả thiên tai)
- Tăng thu chuyển nguồn năm 2006 sang năm 2007 của ngân sách tỉnh 263.427 triệu đồng (tổng số chuyển nguồn 270.687 triệu đồng, đã giao trong dự toán đầu năm 7.260 triệu đồng).
- Tăng nguồn vay để đầu tư Khu đô thị mới 160.000 triệu đồng.
- Tăng thu quản lý qua ngân sách (đóng góp khai thác khoáng sản quặng đồng) 20.000 triệu đồng.

2.3. Chi ngân sách địa phương:

Điều chỉnh tăng 642.589 triệu đồng, tổng chi NSĐP sau điều chỉnh là 2.670.589 triệu đồng. Các nội dung điều chỉnh gồm:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tăng 64.403 triệu đồng.
- Chi thường xuyên tăng 164.623 triệu đồng
- Chi các chương trình mục tiêu, dự án, nhiệm vụ tăng 221.991 triệu đồng
- Chi quản lý qua ngân sách 45.711 triệu đồng
- Chi đầu tư Khu đô thị mới 160.000 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách:

+ Dự phòng đầu năm 35.119 triệu đồng
+ Điều chỉnh giảm 14.139 triệu đồng
+ Dự phòng còn lại 20.980 triệu đồng

2.4. Thu, chi ngân sách tỉnh:

2.4.1- Thu ngân sách tỉnh: Điều chỉnh tăng: 642.589 triệu đồng, tổng thu ngân sách tỉnh sau điều chỉnh là 2.511.941 triệu đồng. Những nội dung điều chỉnh gồm:

a) Bổ sung từ ngân sách Trung ương 174.162 triệu đồng, gồm: Các khoản điều chỉnh tăng 174.717 triệu đồng, điều chỉnh giảm 555 triệu đồng

b) Vay kiên cố hoá kênh mương và giao thông nông thôn 15.000 triệu đồng.

c) Thu huy động từ Quỹ dự trữ tài chính 10.000 triệu đồng.

d) Thu chuyển nguồn năm 2006 sang năm 2007 của ngân sách tỉnh 263.427 triệu đồng. Trong đó: Nguồn tăng thu ngân sách năm 2006 so với dự toán HĐND tỉnh giao 20.736 triệu đồng; gồm: Dùng để tăng nguồn cải cách tiền lương 10.368 triệu đồng, dùng để bố trí tăng chi cho các nội dung chi khác 10.368 triệu đồng (Dự toán thu ngân sách tỉnh HĐND tỉnh giao 132.259 triệu đồng, thực hiện 152.995 triệu đồng, tăng thu 20.736 triệu đồng).

e) Vay để đầu tư Khu đô thị mới 160.000 triệu đồng.

f) Thu quản lý qua ngân sách (đóng góp khai thác khoáng sản quặng đồng) 20.000 triệu đồng.

2.4.2- Chi ngân sách tỉnh: Điều chỉnh tăng 642.589 triệu đồng, tổng chi ngân sách tỉnh sau điều chỉnh là 2.511.941 triệu đồng, Những nội dung điều chỉnh gồm:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 64.403 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 59.546 triệu đồng.
- Chi bổ sung cân đối ngân sách cho các huyện, thành phố: 105.077 triệu đồng
- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án nhiệm vụ: 221.991 triệu đồng
- Chi đầu tư Khu đô thị mới từ nguồn vay: 160.000 triệu đồng.
- Chi quản lý qua ngân sách: 45.711 triệu đồng
- Chi dự phòng ngân sách tỉnh: 14.139 triệu đồng:

+ Dự phòng đầu năm 24.279 triệu đồng
+ Điều chỉnh giảm 14.139 triệu đồng
+ Dự phòng còn lại 10.140 triệu đồng

(Chi tiết theo các biểu số 02 đến biểu số 06 kèm theo Nghị quyết này)

3. Điều chỉnh, kế hoạch đầu tư phát triển.

3.1. Điều chỉnh tăng: 304.062 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư từ nguồn vốn vay cho các dự án khu đô thị mới Lào Cai Cam Đường: 160.000 triệu đồng (Về nguồn vốn vay và trả nợ: Giao UBND tỉnh hoàn tất các thủ tục vay và cân đối các nguồn vốn để trả nợ)
- Vốn bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương do tăng thu ngân sách cho các dự án khu đô thị mới Lào Cai Cam Đường + khu kinh tế cửa khẩu: 20.000 triệu đồng.
- Vốn bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương do tăng thu ngân sách cho các dự án đối ứng vốn nước ngoài: 10.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư theo Quyết định 134/QĐ.TTg: 8.000 triệu đồng.
- Vốn tín dụng ưu đãi để thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn: 15.000 triệu đồng.
- Vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường: 15.000 triệu đồng;
- Nguồn vốn năm 2006 chuyển sang năm 2007: 76.062 triệu đồng, gồm:

+ Vốn ngân sách tập trung: 1.430 triệu đồng;
+ Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất năm 2006: 512 triệu đồng;
+ Nguồn đầu tư tỉnh, huyện mới chia tách: 2.040 triệu đồng;
+ Vốn khắc phục hậu quả thiên tai: 11.940 triệu đồng;
+ Hỗ trợ trụ sở xã: 795 triệu đồng;
+ Vốn QĐ 186/CP: 300 triệu đồng;
+ Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường: 312 triệu đồng;
+ Chương trình xóa đói giảm nghèo: 157 triệu đồng;
+ Vốn NQ 37/BTC: 3.267 triệu đồng;
+ Vốn QĐ 120/CP: 7.903 triệu đồng;
+ Vốn chương trình du lịch: 144 triệu đồng ;
+ Vốn thực hiện QĐ134: 203 triệu đồng;

+ Chương trình 135: 28.923 triệu đồng;
+ Vốn nước ngoài (DIFID): 2.089 triệu đồng;
+ Dự án 5 triệu ha rừng: 402 triệu đồng;
+ Vốn vay (KHCKM+GTNT): 10.861 triệu đồng;
+ Hỗ trợ đối ứng vốn ODA: 314 triệu đồng;
+ Chương trình mục tiêu Văn hóa: 110 triệu đồng,;
+ Chương trình mục tiêu Giáo dục: 66 triệu đồng;
+ Vốn hỗ trợ hạ tầng phát thanh truyền hình tiếng dân tộc: 162 triệu đồng;
+ Nguồn trang thiết bị phủ sóng phát thanh truyền hình: 37 triệu đồng;
+ Bán trụ sở gắn chuyển quyền sử dụng đất: 4.096 triệu đồng;

Tổng vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương sau điều chỉnh là 1.200.468 triệu đồng.

3.2. Điều chỉnh, phân bổ chi tiết danh mục trên cơ sở tổng mức vốn đã giao tại Nghị quyết số 26/2006/NQ-HĐND ngày 16/12/2006 của HĐND tỉnh: 8.640 triệu đồng, cho 21 công trình, gồm:

- Nguồn ngân sách tập trung: 4.680 triệu đồng, cho 09 công trình;
- Nguồn hỗ trợ hạ tầng KTCK: 1.700 triệu đồng, cho 02 công trình;
- Thực hiện NQ37/BCT: 465 triệu đồng, cho 02 công trình;
- Vốn Quyết định 120/CP: 85 triệu đồng, cho 01 công trình;
- Hạ tầng du lịch: 400 triệu đồng, cho 01 công trình;
- Chương trình 135: 400 triệu đồng, cho 01 công trình;
- Chương trình mục tiêu dân số KHHGĐ: 550 triệu đồng, cho 01 công trình;
- Chương trình phòng chống tội phạm: 40 triệu đồng, cho 02 danh mục;
- Chương trình mục tiêu giáo dục và đào tạo: 320 triệu đồng, cho 02 công trình.

(Chi tiết theo biểu số 07 kèm theo Nghị quyết này)

III. Nhiệm vụ chủ yếu 6 tháng cuối năm 2007

1. Chỉ đạo thực hiện các Đề án, dự án trọng tâm của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIII đã duyệt, 5 Chương trình trọng tâm hướng về cơ sở của tỉnh giai đoạn 2007-2010; các huyện, thành phố chủ động thực hiện các Đề án, dự án của Đảng bộ cấp mình, gắn với việc thực hiện các đề án của tỉnh. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2008; tổng hợp đề xuất các chỉ tiêu, danh mục vốn điều chỉnh bổ sung báo cáo HĐND tỉnh phê chuẩn.

2. Hoàn thiện, ban hành và chỉ đạo thực hiện các cơ chế, chính sách được HĐND tỉnh thông qua kỳ họp thứ 9. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 2020, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm định hướng triển khai thực hiện lập quy hoạch cho các địa phương, qui hoạch ngành, lĩnh vực và cụ thể hóa trong kế hoạch hàng năm.

3. Chỉ đạo thu hoạch dứt điểm vụ Xuân và chuẩn bị điều kiện tốt nhất cho sản xuất vụ Mùa. Tập trung đẩy mạnh chương trình trồng rừng, trồng chè đảm bảo theo kế hoạch giao. Tăng cường công tác điều tra và dự báo phục vụ cho việc phòng và trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh việc nhân rộng mô hình thủy sản; chăn nuôi đại gia súc. Tăng cường chỉ đạo, tổ chức diễn tập công tác thường trực theo dõi về phòng chống bão lũ, hoả hoạn, sạt lở để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

4. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số dự án lớn về phát triển công nghiệp, các công trình trọng điểm để thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; tập trung vào công tác đền bù giải phóng mặt bằng các dự án: Mỏ sắt Quý Sa, dự án tại Khu công nghiệp Tằng Loỏng, dự án phát triển du lịch Sa Pa, đẩy nhanh tiến độ các dự án tại khu đô thị mới và khu thương mại Kim Thành, dự án 135 giai đoạn 2, dự án sắp xếp dân cư... Nhanh chóng hoàn thiện thủ tục để khởi công các danh mục giao mới, công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đã giao kế hoạch, đảm bảo đủ điều kiện để xem xét giao kế hoạch thực hiện năm 2008; đẩy mạnh công tác thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

5. Có biện pháp kịp thời chống thất thu, tăng cường thu các khoản còn nợ đọng đảm bảo hoàn thành dự toán giao. Sớm hoàn thành công tác quyết toán thuế 2006 đồng thời tập trung thu các khoản thu còn tồn

đọng từ những năm trước. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm Luật Thuế và các chính sách có liên quan. Tăng cường thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp. Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng và lãng phí trong cơ quan hành chính sự nghiệp. Tăng cường công tác khoán chi HCSN.

6. Tập trung chỉ đạo chuẩn bị tốt cho năm học 2007 - 2008, phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục THCS.

7. Tích cực triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách về xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo và chuyển đổi nghề, chính sách hỗ trợ cho nhân dân, đặc biệt ở vùng tái định cư, vùng quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng hạ tầng cơ sở.

8. Tiếp tục quan tâm đến công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, trong đó chú trọng công tác khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em, chủ động phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dân số và kế hoạch hoá gia đình để hạn chế việc sinh con thứ 3.

9. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; hoàn thành việc phân giới cắm mốc trên thực địa, trên biên giới địa phận tỉnh quản lý. Đẩy mạnh công tác bố trí, sắp xếp dân cư ở khu vực biên giới.

10. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, giáo dục pháp luật nhằm kiềm chế và giảm thiểu các loại hình tội phạm, tai tệ nạn xã hội, đặc biệt là tai nạn giao thông, tệ nạn ma tuý, tuyên truyền đạo trái pháp luật, di dịch cư tư do, buôn bán phụ nữ và trẻ em. Tăng cường công tác hoà giải, giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc ngay từ cơ sở, xử lý dứt điểm có hiệu quả các đơn thư, khiếu nại tố cáo của công dân, không để dây dưa kéo dài, khiếu kiện tập thể đông người và khiếu kiện vượt cấp.

11. Đẩy mạnh phong trào thi đua sâu rộng trong tất cả các cấp, các ngành; phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu năm 2007 lập thành tích chào mừng kỷ niệm 100 năm thành lập tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho:

1. UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Lào Cai Khoá XIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Sùng Chúng

Biểu số 01

CHỈ TIÊU TỔNG HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NĂM 2007 TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai)

TT	Chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2007 tại NQ số 26/2006/NQ-HĐND ngày	Kế hoạch điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh	Ghi chú

			16/12/2006				
				Điều chỉnh tăng	**Điều chỉnh giảm**		
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	13.5			13.5	
2	GDP bình quân đầu người	Triệu đồng	6.5			6.5	
3	Cơ cấu GDP						
-	Nông, lâm, ngư nghiệp	%	31.4			31.4	
-	Công nghiệp, xây dựng	%	29.5			29.5	
-	Dịch vụ	%	39.1			39.1	
4	Sản xuất nông, lâm nghiệp và PTNT						
4.1	Giá trị sản xuất trên đơn vị canh tác	Triệu đồng	17.2			17.2	
4.2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn	189			189	
4.3	Trồng, bảo vệ và khoanh nuôi rừng						
-	Trồng rừng	Ha	3,370			3,370	
-	Khoanh nuôi	Ha	1,500			1,500	
-	Bảo vệ rừng (trong hạn mức)	Ha	43,125			43,125	
-	Tỷ lệ che phủ rừng	%	46.7			46.7	
4.4	Diện tích cây chè trồng mới	Ha	210			210	
4.5	Số thôn bản có đường liên thôn	Thôn, bản	1,700			1,700	
-	Tỷ lệ thôn bản có đường liên thôn	%	80			80	
4.6	Số hộ được sắp xếp dân cư	Hộ	1,046			1,046	
	Trong đó: Sắp xếp ra biên giới	Hộ	61			61	

4.7	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh	%	73.0			730	
-	Số hộ được cấp nước sinh hoạt tăng thêm	Hộ	4,600			4,600	
5	Sản xuất công nghiệp						
5.1	Giá trị sản xuất trên địa bàn	Triệu đồng	1,050,000			1,050,000	
5.2	Số xã có điện lưới	Xã	155			155	
-	Tỷ lệ số xã có điện lưới	%	94.5			94.5	
6	Thương mại - Dịch vụ						
6.1	Tổng mức bán lẻ xã hội	Tỷ đồng	1,990			1,990	
6.2	Kim ngạch xuất nhập khẩu địa phương	Triệu USD	33			33	
-	Xuất khẩu	Triệu USD	13.0			13.0	
-	Nhập khẩu	Triệu USD	20.0			20.0	
6.4	Lượng khách du lịch	Lượt người	620,000			620,000	
6.5	Doanh thu từ du lịch	Tỷ đồng	350			350	
7	Thu chi ngân sách						
-	Tổng thu ngân sách địa phương	Tỷ đồng	2,028	642		2,670	
-	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	2,028	642		2,670	
-	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	790	210		1,000	
8	Xã hội						
8.1	Tỷ lệ huy động trẻ em (6 - 14 tuổi) đến trường	%	98.0			98.0	
-	Duy trì, phổ cập GDTH đúng độ tuổi	Xã	164			164	
-	Hoàn thành phổ cập GDTHCS vào tháng						

	12/2007						
8.2	Tỷ lệ hộ được phủ sóng truyền hình	%	75			75	
8.3	Tỷ lệ hộ được phủ sóng phát thanh	%	93			93	
8.4	Số làng, bản, tổ dân phố văn hoá	Làng, bản	655			655	
8.5	Tỷ lệ giảm sinh	%o	0.7			0.7	
8.6	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1.55			1.55	
8.7	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	%	96.7			96.7	
8.8	Số lao động có việc làm mới	Người	9,580			9,580	
8.9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	29.5			29.5	
8.10	Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo trong năm	%	5			5	

Biểu số 02

Tổng hợp điều chỉnh dự toán thu ngân sách năm 2007

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Dự toán đầu năm	Đề nghị điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
*** TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**790,000**	**210,000**	**1,000,000**
A- CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN	**735,000**	**190,000**	**925,000**
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	**395,00**	**0**	**395,00**
Thu từ thuế, phí - lệ phí và thu khác	***260,000***	***0***	***260,000***
1. Thu từ DN nhà nước Trung ương	37,700		37,700
2. Thu từ DN nhà nước địa phương	25,000		25,000
3. Thu từ xí nghiệp có vốn ĐT nước ngoài	18,000		18,000
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	100,000		100,000
5. Lệ phí trước bạ	12,300		12,300
6. Thuế nhà đất	4,000		4,000
7. Thuế thu nhập	2,000		2,000
8.Thu phí xăng dầu	17,000		17,000
9. Thu phí và lệ phí	21,000		21,000
10. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	4,600		4,600

11. Tiền SDĐ, san tạo MB, bán trụ sở	135,000		135,000
- Tiền sử dụng đất	90,000		90,000
- San tạo mặt bằng	30,000		30,000
- Bán trụ sở	15,000		15,000
12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	2,200		2,200
13. Tiền thuê, bán nhà	2,400		2,400
14. Thu khác	12,000		12,000
15. Thu hoa lợi công sản, thu khác tại xã	1,8000		1,800
II. Thu từ hoạt động XNK	**340,000**	**190,000**	**530,000**
B- THU ĐỂ LẠI QL QUA NSNN	**55,000**	**20,000**	**75,000**
*** TỔNG THU NSĐP**	**2,028,000**	**642,589**	**2,670,589**
A- CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSĐP	**1,254,634**	**262,726**	**1,517,350**
1. Thu từ thuế, phí và thu khác	249,679		249,679
2. Thu tiền SDĐ, bán trụ sở, san tạo MB	135,000		135,000
3. Thu bổ sung cân đối từ NSTW	862,695	0	862,695
- Bổ sung XDCB	***133,011***		***133,011***
- Bổ sung thường xuyên	***729,684***		***729,684***
4. Thu chuyển nguồn	7,260	237,716	244,976
- Trong đó: chuyển nguồn các CTMT		***138,284***	***138,284***
5. Vay kiên cố KM&GTNT		15,000	15,000
6. Huy động Quỹ dự trữ TC		10,000	10,000
B - THU BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW	**618,366**	**174,162**	**792,528**
C - THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN	**55,000**	**45,711**	**100,711**
Trong đó: chuyển nguồn năm 2006 sang		25,711	25,711
D - TẠM ỨNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	**100,000**		**100,000**
E - VAY ĐẦU TƯ KHU ĐÔ THỊ MỚI		**160,000**	**160,000**

Biểu số 03

Tổng hợp điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2007

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai).

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	**Dự toán đầu năm**	**Đề nghị điều chỉnh**	**Dự toán sau điều chỉnh**
*** TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐP**	**2,028,000**	**642,589**	**2,670,589**
A- CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	**1,254,634**	**214,887**	**1,469,521**
I. Chi đầu tư phát triển:	**194,171**	**64,403**	**258,574**
1. Chi xây dựng cơ bản tập trung	133,011	14,616	147,627
2. Chi ĐT KCKM & GTNT từ nguồn vay	0	26,862	26,862
3. Chi đầu tư Khu KTCK từ nguồn vay		81	81
4. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	45,000	2,417	47,417
4.1. Ghi thu - ghi chi	0	0	0
4.2. Chi đầu tư	45,000	2,417	47,417
- Ngân sách tỉnh	***0***	***2,417***	***2,417***

- Ngân sách cấp huyện	***45,000***	***0***	***45,000***
5. Chi từ nguồn san tạo mặt bằng	0	0	0
6. Từ nguồn bán trụ sở gắn với quyền sử dụng đất.	15,000	10,427	25,427
7. Chi đầu tư từ nguồn huy động Quỹ dự trữ tài chính		10,000	10,000
8. Hỗ trợ các doanh nghiệp công ích	1,160	0	1,160
II. Chi thường xuyên:	**954,244**	**164,623**	**1,118,867**
1. Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	11,500	7	11,507
2. Chi sự nghiệp kinh tế	87,188	13,102	100,290
- Chi SN nông - lâm - thuỷ lợi	***26,159***	***4,966***	***31,125***
- Chi SN giao thông	***11,708***	***581***	***12,289***
- Chi SN kiến thiết thị chính	***16,633***	***1,131***	***17,764***
- Chi SN bảo vệ môi trường	***15,050***	***2,700***	***17,750***
- Chi sự nghiệp khác	***17,638***	***3,724***	***21,362***
3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và DN	436,624	67,845	487,469
Trong đó: Chi từ nguồn thu học phí	***17,000***	***-17,000***	***0***
3.1. Chi sự nghiệp giáo dục	396,624	66,209	462,833
Trong đó: Chi từ nguồn thu học phí	***5,000***	***-5,000***	***0***
3.2. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	40,000	1,636	41,636
Trong đó: Chi từ nguồn thu học phí	***12,000***	***-12,000***	***0***
4. Chi sự nghiệp y tế	108,517	17,061	125,578
5. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	8,240	1,284	9,524
6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	8,512	1,046	9,558
7. Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin, TD - TT	18,698	5,031	23,729
8. Chi đảm bảo xã hội	17,539	2,208	19,747
9. Chi quản lý hành chính	232,217	33,361	265,578
- Chi quản lý Nhà nước	***143,246***	***18,915***	***162,161***
- Chi hoạt động của cơ quan Đảng	***51,989***	***7,786***	***59,775***
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể, tổ chức XHNN	***36,982***	***6,660***	***43,642***
10. Chi an ninh - quốc phòng địa phương	19,786	627	20,413
- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH	***7,420***	***488***	***7,908***
- Chi quốc phòng địa phương	***12,366***	***139***	***12,505***
11. Chi khác ngân sách	9,298	0	9,298
12. Nguồn thực hiện chế độ tiền lương mới	13,125	23,051	36,176
III. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư	**70,000**	**0**	**70,000**

IV. Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ TC	**1,100**	**0**	**1,100**
V. Dự phòng	**35,119**	**-14,139**	**20,980**
B - CHI CÁC CTMTQG, CÁC CTMT VÀ DA	**618,366**	**221,991**	**840,357**
C - CHI TỪ NGUỒN TẠM ỨNG NSTW 2008	**100,000**	**0**	**100,000**
D - CHI QUẢN LÝ QUA NS	**55,000**	**45,711**	**100,711**
E - CHI ĐẦU TƯ KHU ĐÔ THỊ MỚI		**160,000**	**160,000**

Biểu số 04

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ KHÁC NĂM 2007.

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai).

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	CTMT, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHI	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH
			Tổng số	Chuyển nguồn	Điều chỉnh khác	
	TỔNG SỐ	**618,366**	**221,991**	**138,284**	**83,707**	**840,357**
I	**Chi đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài**	**75,000**	**23,210**		**23,210**	**98,210**
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia**	**75,166**	**20,915**	**5,915**	**15,000**	**96,081**
1	Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm	1,340	472	472	0	1,812
	- Vốn đầu tư	60	433	433		493
	- Vốn sự nghiệp	1,280	39	39		1,319
2	Chương trình dân số - KHHGĐ	6,656	12	12		6,668
3	Chương trình phòng chống một số bệnh XH, bệnh nguy hiểm và HIV/AIDS	3,608	1	1		3,609
4	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn	6,500	15,572	572	15,000	22,072
	- Vốn đầu tư	6,200	15,572	572	15,000	21,772
	- Vốn sự nghiệp	300	0			300
5	Chương trình văn hoá	6,769	874	874	0	7,643
	- Vốn đầu tư	4,500	610	610		5,110
	- Vốn sự nghiệp	2,269	264	264		2,533
6	Chương trình giáo dục - đào tạo	47,200	3,984	3,984		51,184
	- Trong đó: Đổi mới sách giáo khoa	6,400	0			6,400
	- Dự án nâng cao năng lực đào tạo nghề	6,800	0			6,800

7	Chương trình phòng chống tội phạm	500	0			500
8	Chương trình phòng chống ma tuý	2,000	0			2,000
9	Chương trình VS an toàn thực phẩm	593	0			593
III	**Chương trình 135**	**70,008**	**29,529**	**29,529**	**0**	**99,537**
1	Vốn đầu tư	60,750	28,933	28,933		89,683
2	Vốn sự nghiệp	9,258	596	596		9,854
IV	**Dự án 5 triệu ha rừng**	**14,880**	**3,307**	**3,307**		**18,187**
V	**Các mục tiêu, dự án, nhiệm vụ khác**	**383,312**	**145,030**	**99,533**	**45,497**	**528,342**
1	**Vốn đầu tư xây dựng cơ bản**	**368,265**	**139,399**	**96,954**	**42,445**	**507,664**
	- Đầu tư theo Nghị quyết 37	41,100	5,370	5,370		46,470
	- Đầu tư theo Quyết định 120	39,000	11,606	11,606		50,606
	- Hỗ trợ đồng bào dân tộc theo QĐ 134	34,000	8,203	203	8,000	42,203
	- Vốn thực hiện Quyết định 186		1,105	1,105		1,105
	trợ vốn đối ứng ODA	17,000	13,299	3,299	10,000	30,299
	- Chương trình ứng dụng và phát triển CNTT	1,355	-555		-555	800
	- Đầu tư hạ tầng du lịch	17,000	2,657	2,657		19,657
	- Đầu tư hạ tầng chợ	2,000	1,500	1,500		3,500
	- Dự án Đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu	100,000	32,015	12,015	20,000	132,015
	- Nguồn vượt thu cửa khẩu năm 2003		4,223	4,223		4,223
	- CT phát triển hạ tầng nuôi trồng và giống thuỷ sản	3,000	0			3,000
	- Hỗ trợ đầu tư các chương trình kỹ thuật kinh tế		833	833		833
	- Hỗ trợ đầu tư bệnh viện tỉnh, huyện	18,000	1,195	1,195		19,195
	- Hỗ trợ tỉnh, huyện mới tách	10,000	15,490	15,490		25,490
	- Hỗ trợ đầu tư trụ sở xã	2,000	796	796		2,796
	- Vốn đầu tư xây dựng cầu Kim Thành	48,000	0			48,000
	- Hỗ trợ đầu tư giáo dục, y tế từ nguồn XSKT		7	7		7
	- Hỗ trợ hạ tầng phát thanh, truyền hình		200	200		200
	- Kiên cố hoá trường, lớp học		21,912	21,912		21,912
	- Phân giới cắm mốc biên giới	13,810	346	346		14,156
	- KP khắc phục hậu quả thiên tai		11,941	11,941		11,941
	- Dự án hỗ trợ giao thông nông thôn 3 (DFID)		90	90		90
	- Đầu tư CSHT các xã đặc biệt khó khăn (DFID)		2,166	2,166		2,166

	- Chương trình quản lý biên giới	8,000	0			8,000
	- Đầu tư hạ tầng làng nghề	2,000	0			2,000
	- Chương trình bố trí lại dân cư nơi cần thiết	5,000	0			5,000
	- Hỗ trợ truyền hình và thể thao	2,000	0			2,000
	- Đầu tư Vườn quốc gia	5,000	0			5,000
	- XD bản đồ địa chính bằng không ảnh		5,000		5,000	5,000
2	**Vốn sự nghiệp**	**15,047**	**5,631**	**2,579**	**3,052**	**20,678**
	- Trang thiết bị TH tiếng dân tộc thiểu số	3,200	0			3,200
	- Hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn		0			0
	- Trợ giá trợ cước		0			0
	- CT Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa	195	0			195
	- Kinh phí phân giới cắm mốc biên giới	2,865	1,580	1,580		4,445
	- Thực hiện Quyết định 19	260	0			260
	- Chương trình bố trí dân cư	3,000	0			3,000
	- Hỗ trợ đầu tư y tế tỉnh, huyện		999	999		999
	- Kinh phí bầu cử		3,052		3,052	3,052
	- Kinh phí chuẩn bị động viên	4,000	0			4,000
	- Chương trình phát triển nông nghiệp	1,082	0			1,082
	- Hỗ trợ sáng tác VHNT, tác phẩm báo chí	275	0			275
	- Kinh phí quản lý chương trình 134	170	0			170

Biểu số 05

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2007

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	**DỰ TOÁN ĐẦU NĂM**	**ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**				**DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH**
		Tổng số	**Chuyển nguồn năm trước sang**	**Thực hiện chế độ tiền lương mới**	**Điều chỉnh khác**	
TỔNG THU NGÂN SÁCH TỈNH	**1,869,352**	**642,589**	**263,427**	**88,169**	**290,993**	**2,511,941**
1. Thu điều tiết	239,321	0				239,321

- Thuế, phí và thu khác	149,321	0				149,321
- Tiền sử dụng đất, bán trụ sở, san tạo mặt bằng	90,000	0				90,000
2. Thu bổ sung cân đối	862,695	0				862,695
3. Thu bổ sung có mục tiêu	618,366	174,162		88,169	85,993	792,528
4. Thu tạm ứng ngân sách trung ương	100,000	0				100,000
5. Vay kiên cố KM và GTNT		15,000			15,000	15,000
6. Thu chuyển nguồn	7,260	237,716	237,716			244,976
7. Huy động quỹ dự trữ tài chính		10,000			10,000	10,000
8. Thu quản lý qua NSNN	41,710	45,711	25,711		20,000	87,421
9. Thu ngoài ngân sách		160,000			160,000	160,000
TỔNG CHI NGÂN SÁCH TỈNH	**1,869,352**	**642,589**	**253,059**	**88,169**	**301,361**	**2,511,941**
A - CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	**633,504**	**109,810**	**89,064**	**-1,122**	**21,868**	**743,314**
I. Chi đầu tư phát triển:	**149,171**	**64,403**	**39,403**	**0**	**25,000**	**213,574**
1. Chi xây dựng cơ bản tập trung	148,011	27,460	27,460	0	0	175,471
a) Vốn trong nước	148,011	27,460	27,460			175,471
Tong đó: Chi từ tiền SDĐ, bán trụ sở, san tạo MB	15,000	12,844	12,844			27,844
- Ghi thu, ghi chi	***0***	***0***				***0***
- Ghi đầu tư	***15,000***	***0***				***15,000***
b) Vốn ngoài nước		0				0
2. Chi đầu tư từ nguồn huy động Quỹ DTTC		10,000			10,000	10,000
3. Chi KCKM & GTNT từ nguồn vay		26,862	11,862		15,000	26,862
4. Chi đầu tư Khu KTCK từ nguồn vay		81	81			81

5. Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp công ích	1,160	0				1,160
II. Chi thường xuyên:	**388,954**	**59,546**	**49,661**	**-1,122**	**11,007**	**448,500**
1. Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	11,500	7	7			11,507
2. Chi sự nghiệp kinh tế	47,675	5,991	3,497	2,512	-18	53,666
- Chi SN nông - lâm - thuỷ lợi	***23,397***	***4,606***	***893***	***2,083***	***1,630***	***28,003***
- Chi SN giao thông	***8,899***	***281***	***248***	***10***	***23***	***9,180***
- Chi SN kiến thiết thị chính	***4,000***	***981***	***981***			***4,981***
- Sự nghiệp bảo vệ môi trường	***1,180***	***0***				***1,180***
- Chi sự nghiệp khác	***10,199***	***123***	***1,375***	***419***	***-1,671***	***10,322***
3. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	93,592	-330	485	1,550	-2,365	93,262
- Chi sự nghiệp giáo dục	***69,674***	***-1,966***	***10***	***499***	***-2,475***	***67,708***
- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	***23,918***	***1,636***	***475***	***1,051***	***110***	***25,554***
4. Chi sự nghiệp y tế	61,637	7,110	4,966	738	1,406	68,747
5. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	8,240	1,284	1,238		46	9,524
6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	3,490	74			74	3,564
7. Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin TD - TT	13,303	4,231	33	854	3,344	17,534
8. Chi đảm bảo xã hội	8,698	160		201	-41	8,858
9. Chi quản lý hành chính	111,971	17,224	377	9.030	7,817	129,195
- Chi quản lý Nhà nước	***62,991***	***8,892***	***377***	***5.822***	***2,693***	***71,883***
- Chi hoạt động của cơ quan Đảng	***41,500***	***7,605***		***2,605***	***5,000***	***49,105***
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể, tổ chức XHNN	***7,480***	***727***		***603***	***124***	***8,207***
10. Chi an ninh quốc phòng địa phương	10,100	744	0	0	744	10,844
- Chi giữ gìn an ninh	***3,800***	***396***			***396***	***4,196***

và trật tự an toàn XH						
- Chi quốc phòng địa phương	***6,300***	***348***			***348***	***6,648***
11. Chi khác ngân sách	5,623	0				5,623
12. Nguồn thực hiện chế độ tiền lương mới	13,125	23,051	39,058	-16,007		36,176
III. chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư CSHT	**70,000**	**0**				**70,000**
IV. Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	**1,100**	**0**				**1,100**
V. Dự phòng	**24,279**	**-14,139**			**-14,139**	**10,140**
B - CÁC CTMTQG, CÁC CT VÀ DA KHÁC	**618,366**	**221,991**	**138,284**		**83,707**	**840,357**
C - CHI TỪ NGUỒN TẠM ỨNG NSTW	**100,000**	**0**				**100,000**
D - CHI ĐƯỢC QUẢN LÝ QUA NS	**41,710**	**45,711**	**25,711**		**20,000**	**87,421**
E - CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI NS HUYỆN	**475,772**	**105,077**		**89,291**	**15,786**	**580,849**
F - CHI ĐẦU TƯ KHU ĐÔ THỊ MỚI		**160,000**			**160,000**	**160,000**

Biểu số 06

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2007

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai).

Đơn vị: Triệu đồng

STT	HUYỆN, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH
			Tổng số	Thực hiện CĐ tiền lương	Điều chỉnh khác	
	TỔNG SỐ	**475,772**	**105,077**	**89,291**	**15,786**	**580,849**
1	Thành phố Lào Cai	26,215	10,706	7,689	3,017	36,921
2	Huyện Mường Khương	57,250	11,949	10,037	1,912	69,199
3	Huyện Bát Xát	58,509	10,623	10,623	0	69,132
4	Huyện Si Ma Cai	43,719	8,284	6,902	1,382	52,003
5	Huyện Bắc Hà	57,612	11,849	10,232	1,617	69,461
6	Huyện Bảo Thắng	64,123	14,497	13,059	1,438	78,620

7	Huyện Sa Pa	44,793	10,799	8,076	2,723	55,592
8	Huyện Bảo Yên	59,607	12,668	10,965	1,703	72,275
9	Huyện Văn Bàn	63,944	13,702	11,708	1,994	77,64

Biểu số 07

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ QUA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2007 TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch vốn năm 2007 tại NQ số 26/2006/NQ - HĐND ngày 16/12/2006	Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
	TỔNG SỐ	**896,406**	**304,062**	**0**	**1.200,468**	
I	**Vốn ngân sách do Nhà nước đầu tư**	**866,406**	**129,062**	**0**	**995,468**	
1	***Vốn ngân sách tập trung***	***134,171***	***0***	***0***	***134,171***	
2	***Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất***	***135,000***	***0***	***0***	***135,000***	
3	***Vốn chương trình mục tiêu quốc gia***	***75,166***	***15,000***	***0***	***90,166***	
-	CT giảm nghèo	1,280			1,280	
-	CT việc làm	60			60	
-	CT mục tiêu nước sạch và	6,500	15,000		21,500	

	VSMT					
-	CT mục tiêu dân số và KHH gia đình	6,656			6,656	
-	CT phòng chống một số bệnh dịch nguy hiểm	3,608			3,608	
-	CT mục tiêu văn hóa	6,769			6,769	
-	CT mục tiêu giáo dục và đào tạo	47,200			47,200	
-	CT phòng chống ma tuý	2,000			2,000	
-	CT vệ sinh an toàn thực phẩm	593			593	
-	CT phòng chống tội phạm	500			500	
4	***Vốn chương trình 135***	***70,008***	***0***	***0***	***70,008***	
5	***Vốn dự án trồng mới 5 triệu ha rừng***	***14,880***	***0***	***0***	***14,880***	
6	***Vốn thực hiện một số CT, dự án, nhiệm vụ khác***	***437,181***	***38,000***	***0***	***475,181***	
-	Thực hiện NQ 37/NQ - TW	41,100			41,100	
-	QĐ 120/2003/QĐ - TTg ngày 11/6/2003	39,000			39,000	
-	CT biển đông, hải đảo, quản lý biên giới	8,000			8,000	
-	Hỗ trợ QĐ 134	34,000	8,000		42,000	
-	Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu	100,000			100,000	
-	Hỗ trợ tỉnh huyện mới chia tách	10,000			10,000	
-	Hạ tầng du lịch	17,000			17,000	
-	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản	3,000			3,000	
-	CT bố trí lại dân cư những nơi cần thiết	5,000			5,000	
-	Hỗ trợ truyền hình các địa phương	2,000			2,000	
-	Đề án tin học hóa các cơ quan Đảng	1,355			1,355	
-	Hỗ trợ hạ tầng chợ	2,000			2,000	
-	Hỗ trợ làng nghề	2,000			2,000	
-	Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã	2,000			2,000	
-	Hỗ trợ đối ứng các dự án nước ngoài	17,000	10,000		27,000	
-	Hỗ trợ Trung tâm y tế tỉnh, huyện	18,000			18,000	
-	Hỗ trợ đầu tư vườn quốc gia Hoàng Liên	5,000			5,000	
-	Hỗ trợ đầu tư cầu Kim Thành + Khu đô thị mới	48,000			48,000	
-	Hỗ trợ đầu tư khu KTCK + khu ĐTM từ nguồn tăng thu ngân	0	20,000		20,000	

	sách					
-	Vốn nước ngoài	82,726			82,726	
7	***Vốn chuyển nguồn từ năm 2006 sang 2007***	***0***	***76,062***	***0***	***76,062***	
II	**Vốn khác**	**30,000**	**175,000**	**0**	**205,000**	
1	Vốn vay nhàn rỗi kho bạc	30,000	0		30,000	
2	Vốn vay bổ sung đầu tư Khu đô thị mới	0	160,000		160,000	
3	Vốn vay KCH kênh mương và giao thông nông thôn	0	15,000		15,000	